

Bản án số: 13/2020/KDTM-PT

Ngày: 18/3/2020.

V/v: tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Minh Thành

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh

Bà Ngô Tuyết Băng

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Giang- Thư ký Toà án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội:

Bà Nguyễn Thị Kim Thanh -Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 16/2020/KTPT ngày 03/01/2020 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2020/QĐXX-PT ngày 07/2/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2020/QĐ-HPT ngày 28/2/2020 giữa:

* *Nguyên* Ngân hàng V

đơn: Địa chỉ: số 89 L , phường L1, quận Đ , Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: ông Ngô Chí D , chức vụ: Chủ tịch HĐQT; Người đại diện theo ủy quyền: ông Phạm Tuấn A - chức vụ: Phó GD trung tâm pháp luật ngân hàng.

Người đại diện theo ủy quyền lại: ông Lương Thế V , sinh năm 1993; ông Nguyễn Tuấn N ; bà Nguyễn Thị T . Ông V có mặt, bà T , ông N vắng mặt.

* *Bị đơn:* Công ty CP dịch vụ kết nối s (V)

Địa chỉ: số 65 L , phường V , H , Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Hoàng P - chủ tịch HĐQT; Có HKTT: số 23/9A T , phường I, quận G , TP Hồ Chí Minh; Chỗ ở: số 42 phố Y , phường C , quận H , Hà Nội. Vắng mặt.

* *Người có* Công ty TNHH một thành viên viễn thông số V (VT)

quyền lợi Địa chỉ: số 65 L , phường V , H , Hà Nội.

nghĩa vụ Người đại diện theo pháp luật: ông Trần Trung H – Giám đốc

liên quan: Người đại diện theo ủy quyền: bà Trần Thị Hồng V , sinh năm 1972, có HKTT tại số 5 ngách 22/25 ngõ 22 đường L , phường M, quận H , Hà Nội; ông Dương Quang L , sinh năm 1976, có HKTT tại: P712H1 Khu

đô thị V , phường G , quận L , Hà Nội; ông Nguyễn Bảo H , sinh năm 1980, có HKTT tại: số 15 ngõ 119 phố T , phường Q , quận Đ , Hà Nội; ông Trần Ngọc T . Ông L , ông H , bà V có mặt; ông T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, vụ án có nội dung như sau:

1. Đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngày 04/02/2013, Ngân hàng V – chi nhánh Đông Đô (gọi tắt là VPB) và Công ty cổ phần dịch vụ kết nối số V (gọi tắt là V) đã ký kết Hợp đồng tín dụng số LD1302900413, với nội dung: Ngân hàng đồng ý cho V vay số tiền: 3.000.000.000đ, mục đích vay thanh toán tiền mua hệ thống IPTV cho Công ty TNHH một thành viên viễn thông số VT (gọi tắt là VT), thời hạn vay 48 tháng tính từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên, lãi suất trong hạn 15%/năm được thay đổi định kỳ 03 tháng/lần, kỳ điều chỉnh đầu tiên vào ngày 01/7/2013, mức điều chỉnh bằng lãi suất bán vốn của bên ngân hàng đang áp dụng tại thời điểm điều chỉnh (+) biên độ 4%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn, kể từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn. Sau khi ký hợp đồng tín dụng, V đã nhận đủ số tiền 3.000.000.000đ theo khế ước nhận nợ số 01 ngày 04/2/2013 bằng hình thức chuyển khoản.

Để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán khoản vay trên, các bên thống nhất áp dụng các biện pháp bảo đảm sau: 1/ Bảo lãnh vay vốn của cty TNHH MTV Viễn thông số V theo giấy bảo lãnh số 04/BL-VTS (V/v bảo lãnh vay vốn) ngày 04/01/2013; 2/ Thế chấp bằng: Toàn bộ hệ thống IPTV thuộc sở hữu của bên vay, theo hợp đồng thế chấp số 1302900413/TC ngày 4/2/2013.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, V đã trả được tổng cộng là 2.114.395.639đ; trong đó gốc là 1.453.510.648đ; lãi là: 656.004.691đ; phạt chậm trả lãi: 4.880.300đ, sau đó không thực hiện trả nợ theo cam kết tại hợp đồng tín dụng và lịch trả nợ với Ngân hàng nên Ngân hàng đã chuyển toàn bộ khoản vay của V sang nợ quá hạn, chấm dứt hợp đồng tín dụng trước thời hạn và khởi kiện tại Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng yêu cầu cty thanh toán toàn bộ khoản vay theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng nêu trên. Tính đến ngày 27/8/2019, V còn nợ VPB tổng số tiền là: 3.137.385.566đ, bao gồm nợ gốc: 1.546.489.352đ, lãi trong hạn: 40.911.298đ, lãi quá hạn: 1.106.616.256đ, phạt chậm trả lãi: 443.368.660đ.

VPB đề nghị Tòa án buộc V phải thanh toán cho ngân hàng toàn bộ khoản tiền gốc, lãi phát sinh từ hợp đồng tín dụng số LD1302900413 ngày 04/02/2013 và đề nghị Tòa án tiếp tục tính lãi theo quy định tại Hợp đồng tín dụng trên cho đến khi V thanh toán hết các khoản vay và các chi phí phát sinh. Trường hợp, V không thanh toán được, đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo là Hệ thống IPTV theo hợp đồng nhượng bán tài sản hệ thống truyền hình IPTV số 01/HĐ/DIGICOM-DIGILINK/2012 ngày 20/9/2012 ký giữa cty VT và cty VTC. Xác nhận thế chấp tại VPB theo hợp đồng thế chấp số 1302900413/TC ngày 04/02/2013 và Bảo lãnh vay vốn của VT, theo giấy bảo lãnh số 04/BL-VTS ngày 04/01/2013 để thu hồi nợ. Ngoài ra, VPB không có yêu cầu, đề nghị gì khác.

VPB có đơn đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần phạt chậm trả lãi.

2. Bị đơn là Công ty cổ phần dịch vụ kết nối số V (V) đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, các Giấy triệu tập, giấy báo các Thông báo về phiên hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/QĐXX-ST ngày 22/5/2019. Ngoài ra còn được thông báo trên phương tiện thông tin nhưng đều vắng mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ngày 20/9/2012, VT và V ký hợp đồng nhượng bán tài sản là hệ thống truyền hình IPTV (Hợp đồng chuyển nhượng IPTV). Ngày 31/12/2012, VT xuất hóa đơn VAT cho V về việc thanh lý tài sản Hệ thống truyền hình IPTV với giá trị 12.174.341.984đ. Sau khi nhận được yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho V từ ngân hàng VPB, Hội đồng thành viên VT mới biết ông Nguyễn Hoàng P – nguyên là chủ tịch Hội đồng thành viên, đồng thời là người đại diện theo pháp luật của VT có thể đã ký một giấy Bảo lãnh để bảo đảm trả nợ cho khoản vay của V tại VPB. Theo Điều lệ của VT, Hội đồng thành viên quyết định các dự án đầu tư, hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị dưới 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của VT.

Tuy nhiên, nếu có việc ông Nguyễn Hoàng P ký giấy bảo lãnh thì trước khi ký giấy bảo lãnh, ông Nguyễn Hoàng P đã không có sự thông qua của Hội đồng thành viên hay chủ sở hữu (Tổng cty truyền thông đa phương tiện) của VT. Sau khi ký giấy bảo lãnh, ông Nguyễn Hoàng P cũng không thông báo lại cho Hội đồng thành viên và chủ sở hữu của VT, chủ sở hữu và Hội đồng thành viên của VT đã không biết về giấy bảo lãnh này. Như vậy, ông Nguyễn Hoàng P đã ký giấy bảo lãnh vượt quá phạm vi đại diện được quy định tại Điều lệ của VT. Căn cứ vào quy định của pháp luật thì giấy bảo lãnh do ông Nguyễn Hoàng P xác lập vượt quá phạm vi đại diện nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ bảo lãnh đối với VT. Do vậy VT không có nghĩa vụ phải trả nợ thay cho V. Đề nghị tòa án không chấp nhận yêu cầu của ngân hàng VPB về việc VT phải trả nợ thay cho V.

Tại Bản án sơ thẩm số 13/2019/KDTM-ST ngày 17/9/2019 của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội đã xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V đối với công ty CP dịch vụ kết nối số V về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng":

- Buộc công ty CP dịch vụ kết nối số V (cty V) phải thanh toán trả Ngân hàng V số tiền: 2.710.332.369đ, bao gồm nợ gốc: 1.546.489.352đ, lãi trong hạn: 40.911.298đ, lãi quá hạn: 1.122.931.719đ (tính đến ngày xét xử 17/9/2019).

- Kể từ ngày 18/9/2019, cty V còn phải thanh toán tiền lãi quá hạn của số tiền nợ chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ này.

- Trường hợp V không thanh toán hoặc thanh toán không đủ thì Ngân hàng V có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là Hệ thống IPTV theo hợp đồng nhượng bán tài sản hệ thống truyền hình IPTV số 01/HĐ/DIGICOM-DIGILINK/2012 ngày 20/9/2012 ký giữa cty TNHH MTV Viễn thông số V và cty cổ phần dịch vụ kết nối số V. Xác nhận thế chấp tại VPB theo hợp đồng thế chấp số 1302900413/TC ngày 04/02/2013 để thu hồi nợ.

- Trường hợp tài sản thế chấp của cty V không còn hoặc không đủ trả nợ, thì ngân hàng VPB có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền buộc cty TNHH MTV Viễn thông số V (VT) thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho cty V (theo

giấy bảo lãnh số 04/BL-VTS ngày 04/01/2013), cho đến khi thanh toán xong khoản nợ này.

2. Chấp nhận yêu cầu rút một phần khởi kiện của Ngân hàng V đối với toàn bộ phần lãi phạt chậm trả theo hợp đồng tín dụng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là VT kháng cáo với lý do: Tòa án sơ thẩm đã sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng quy định của pháp luật để giải quyết vụ án; sai lầm trong việc áp dụng quy định của pháp luật để giải quyết vụ án bỏ qua việc xem xét đánh giá các chứng cứ quan trọng trong vụ án dẫn đến quyền và lợi ích hợp pháp của VT bị vi phạm nghiêm trọng. Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng ông Nguyễn Hoàng P là Chủ tịch Hội đồng thành viên và người đại diện theo pháp luật thì đương nhiên có quyền ký giấy bảo lãnh là một sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật. Theo quy định tại Điều 144 Bộ luật dân sự 2005 thì người đại diện theo pháp luật có quyền xác lập giao dịch dân sự vì lợi ích của người được đại diện, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, theo Điều 135 Bộ luật dân sự 2015 thì quyền đại diện của người đại diện theo pháp luật của pháp nhân được xác lập theo điều lệ của pháp nhân.

Ông Nguyễn Hoàng P ký giấy bảo lãnh, nhưng trước khi ký giấy bảo lãnh, ông P đã không có sự thông qua của Hội đồng thành viên hay chủ sở hữu (Tổng cty truyền thông đa phương tiện) của VT. Sau khi ký giấy bảo lãnh, ông P cũng không thông báo lại cho Hội đồng thành viên và chủ sở hữu của VT, chủ sở hữu và Hội đồng thành viên của VT đã không biết về giấy bảo lãnh này. Như vậy, ông Nguyễn Hoàng P đã ký giấy bảo lãnh vượt quá phạm vi đại diện được quy định tại Điều lệ của VT. Do vậy, giấy bảo lãnh do ông Nguyễn Hoàng P xác lập vượt quá phạm vi đại diện nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ bảo lãnh đối với VT. Nên VT không có nghĩa vụ phải trả nợ thay cho V. Tòa án sơ thẩm căn cứ vào Công văn số 171A/VTS-TC-KT ngày 01/9/2016 của VT để khẳng định VT biết rất rõ có việc bảo lãnh này. Công văn này chỉ nêu lại lịch sử mối quan hệ giữa hai bên xoay quanh thời điểm được cho là phát hành bảo lãnh, văn bản này không khẳng định hay phủ định sự tồn tại và hiệu lực pháp lý của giấy bảo lãnh, văn bản này chỉ có kế toán trưởng của VT ký trong quá trình thực hiện nghiệp vụ kế toán mà không được báo cáo Hội đồng thành viên và người đại diện theo pháp luật.

Tại tòa án cấp phúc thẩm và phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, đề nghị HĐXX giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vẫn giữ yêu cầu kháng cáo, đề nghị HĐXX phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo, sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu của ngân hàng VPB về việc VT phải trả nợ thay cho V.

Các bên đương sự không xuất trình thêm tài liệu và chứng cứ gì mới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội sau khi phân tích nội dung vụ án đã đề nghị Hội đồng xét xử bác đơn kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, về án phí người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Sau phần hỏi và tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Đơn kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong thời hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm là hợp lệ.

- Về thẩm quyền giải quyết: tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng tín dụng. Bị đơn là Công ty CP dịch vụ kết nối số V, có trụ sở tại: số 65 L, phường V, H, Hà Nội. Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng thụ lý và giải quyết sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

- Bị đơn là Công ty CP dịch vụ kết nối số V đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xin hoãn phiên tòa vì hôm qua mới tìm thấy ông P để bảo việc Tòa án mở phiên tòa phúc thẩm và hôm nay ông P không đến nên đề nghị hoãn phiên tòa.

Xét thấy, ông P đã được Tòa án hai cấp tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn lần tránh không đến Tòa án, lần này Tòa án phúc thẩm đã tổng đạt, niêm yết đúng thủ tục tố tụng hai lần nên không chấp nhận đề nghị hoãn phiên tòa của người liên quan.

Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung:

Xét yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Công ty TNHH một thành viên viễn thông số VT, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Ngày 04/02/2013, VPB và V ký kết hợp đồng tín dụng số LD1302900413, với nội dung Ngân hàng cho V vay số tiền 3.000.000.000 đồng, mục đích vay thanh toán tiền mua hệ thống IPTV cho VT, thời hạn vay 48 tháng tính từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên, lãi suất trong hạn 15%/năm được thay đổi định kỳ 03 tháng/lần, kỳ điều chỉnh đầu tiên vào ngày 01/7/2013, mức điều chỉnh bằng lãi suất bán vốn của bên ngân hàng đang áp dụng tại thời điểm điều chỉnh (+) biên độ 4%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn, kể từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn.

Xét nội dung hợp đồng tín dụng không vi phạm điều cấm của pháp luật, phù hợp với nhu cầu của bên vay và điều kiện kinh doanh của bên cho vay. Thời điểm ký kết hợp đồng các bên hoàn toàn tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng phù hợp các quy định của pháp luật nên có giá trị pháp lý và có hiệu lực thi hành đối với các bên.

Theo các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn giao nộp, sau khi ký hợp đồng tín dụng, V đã nhận đủ số tiền 3.000.000.000 đồng theo khế ước nhận nợ số 01 ngày 04/2/2013 bằng hình thức chuyển khoản.

Quá trình thực hiện hợp đồng, V đã thanh toán được 1.453.510.648 đồng nợ gốc, nợ lãi trong hạn là 656.004.691 đồng và phạt chậm trả là 4.880.300 đồng, tổng cộng là 2.114.395.639 đồng.

Do V vi phạm Điều 4 của hợp đồng về cam kết lịch trả nợ. Do đó ngân hàng chuyển khoản vay sang nợ quá hạn, chấm dứt hợp đồng trước thời hạn và khởi kiện yêu cầu V thanh toán toàn bộ khoản vay là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật.

Về lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn qua xem xét: Thỏa thuận của các bên trong hợp đồng tín dụng về lãi suất là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật về việc áp dụng lãi suất cho vay và đã được VPB tính toán, thực hiện theo đúng hợp đồng, theo từng giai đoạn điều chỉnh lãi suất của bên cho vay và phù hợp với quy định về áp dụng mức lãi suất của Ngân hàng nhà nước tại thời điểm điều chỉnh.

Dovậy, Tòa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số LD1302900413 ngày 04/2/2013 với tổng số tiền là 2.710.332.369đ, trong đó: nợ gốc là 1.546.489.352đ, lãi trong hạn là 40.911.298đ, lãi quá hạn tính đến ngày 17/9/2019 là 1.122.931.719đ là có căn cứ.

- Về hợp đồng thế chấp tài sản: Hợp đồng ngày 04/02/2013 giữa bên thế chấp là V với bên nhận thế chấp là Ngân hàng V, tài sản thế chấp là Hệ thống IPTV theo hợp đồng nhượng bán tài sản hệ thống truyền hình IPTV số 01/HĐ/DIGICOM-DIGILINK/2012 ngày 20/9/2012 ký giữa Công ty TNHH MTV Viễn thông số VT và Công tyCP dịch vụ kết nối số V. Xác nhận thế chấp tại VPB theo hợp đồng thế chấp số 1302900413/TC ngày 04/02/2013. Việc thế chấp của V là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc; tài sản thế chấp là tài sản hợp pháp của V và không cầm cố, thế chấp, chuyển nhượng cho ai khác cũng như không có tranh chấp gì. Do đó, Tòa án sơ thẩm căn cứ các Điều 342; 343; 355; 715; 716; 717; 718; 719; 720 và 721- Bộ luật dân sự 2005 chấp nhận yêu cầu của VPB về xử lý tài sản đảm bảo nêu trên trong trường hợp V không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ đối với VPB. Trường hợp phát mại tài sản thế chấp chưa thanh toán hết khoản nợ thì V còn phải thanh toán tiếp cho đến khi hết nợ là có căn cứ.

Về giấy bảo lãnh (liên quan đến kháng cáo của người liên quan): Giấy bảo lãnh số 04/BL-VTS ngày 04/01/2013, giữa bên bảo lãnh là VT và bên được bảo lãnh là V. Nội dung bảo lãnh: VT - bằng giấy bảo lãnh này đồng ý bảo đảm trả nợ khoản vay cho V vay vốn tại VPB và được bảo lãnh trong phạm vi sau: số tiền gốc vay là 3.000.000.000đ; mục đích cho việc đầu tư mua lại hệ thống dịch vụ IPTV từ Công ty viễn thông số Digicom; số tiền lãi, lãi phạt và các chi phí khác phát sinh theo hợp đồng tín dụng; Cam kết: VT thực hiện nghĩa vụ trả nợ trong vòng 05 ngày kể từ khi nhận được thông báo của VPB về việc V chưa thanh toán toàn bộ hoặc một phần các khoản nợ gốc, lãi, lãi phạt và các chi phí phát sinh khác cho VPB. Quá thời hạn này, VT đồng ý và ghi nhận toàn bộ khoản nợ và trạng thái khoản nợ trên cho VT theo yêu cầu của VPB. Giấy bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày V nhận nợ với VPB cho đến khi toàn bộ khoản nợ được thanh toán hết cho VPB.

Tại lời khai ngày 11/8/2017, VT khẳng định thời điểm ký giấy bảo lãnh vay vốn cho V thì ông Nguyễn Hoàng P là Chủ tịch hội đồng thành viên đồng thời là người đại diện theo pháp luật của VT, đã không thông qua cũng như không thông báo cho Hội đồng thành viên công ty được biết, việc ký giấy bảo lãnh vay vốn đã ký vượt thẩm quyền theo Điều lệ công ty và cho rằng Biên bản họp Hội đồng thành viên ngày 20/7/2012 có thể là giả mạo. Ngày 27/8/2019, Viện khoa học hình sự Bộ công an đã có kết luận về việc chữ ký của ông Trần Trung H trong Biên bản họp hội đồng thành viên: Không phải do cùng một người ký ra.

Trên cơ sở đó VT từ chối nghĩa vụ bảo lãnh Tòa án sơ thẩm đã có văn bản yêu cầu doanh nghiệp là người liên quan cung cấp báo cáo tài chính để xem xét giá trị

pháp lý của biên bản họp HĐQT nhưng người liên quan từ chối nên phải chịu trách nhiệm về việc từ chối này.

Theo quy định tại Điều 49 Luật doanh nghiệp năm 2005 thì ông Nguyễn Hoàng P - Chủ tịch Hội đồng thành viên có quyền triệu tập và chủ trì cuộc họp Hội đồng thành viên, thay mặt Hội đồng thành viên ký các quyết định của Hội đồng thành viên; Biên bản họp Hội đồng thành viên có 03/04 thành viên tham dự họp, có con dấu của VT. Hơn nữa trong suốt quá trình xảy ra tranh chấp, Ngân hàng VPB đã có rất nhiều văn bản yêu cầu V và VT trả nợ và thực hiện nghĩa vụ của mình, thì VT đã có văn bản trả lời: “Tại thời điểm phát hành bảo lãnh cho V, VT là cổ đông sở hữu 51% cổ phần tại V ... Kể từ ngày 01/9/2013, VT không còn liên quan và không có trách nhiệm gì đối với mọi nghĩa vụ của V ...”. Giấy bảo lãnh được lập và ký kết năm 2012, đầu năm 2012 đến gần cuối năm năm 2013 cty V mới tách ra khỏi VT. Như vậy, thấy rõ việc VT biết rất rõ có việc Bảo lãnh này.

Việc VT đưa ra các lý do: không đủ thành viên tham dự theo quy định; Biên bản họp thành Hội đồng thành viên không đáp ứng quy định của Điều lệ công ty, không thông qua Hội đồng thành viên; ông Nguyễn Hoàng P ký giấy Bảo lãnh vượt quá phạm vi đại diện... để từ chối và thoái thác trách nhiệm Bảo lãnh của VT với V thì thấy rằng.

Trước khi chấp nhận thư bảo lãnh, bên nhận bảo lãnh là VPB đã yêu cầu bên phát hành thư bảo lãnh cung cấp biên bản họp HĐQT của bên phát hành thư bảo lãnh và bên bảo lãnh đã cung cấp biên bản họp biên bản HĐQT/ biên bản này có tên các thành viên hội đồng thành viên, chữ ký của chủ tịch HĐQT và đóng dấu công ty. Như vậy là VPB / bên nhận bảo lãnh đã làm đúng các quy định của pháp luật nhận bảo lãnh. VPB không thể biết và không buộc phải biết chữ ký mang tên ông Trần Trung H không phải là của ông Trần Trung H tại biên bản họp HĐQT do bên thế chấp chuyển giao. Do vậy, doanh nghiệp phát hành thư bảo lãnh phải chịu trách nhiệm về việc người đại diện của mình phát hành thư bảo lãnh. Như vậy việc bên phát hành thư bảo lãnh cho rằng bảo lãnh đó vượt quá thẩm quyền không phát sinh hiệu lực/ vô hiệu là không đúng các quy định tại Điều 122, khoản 1 Điều 142 Bộ luật dân sự 2005. Mặt khác, theo tài liệu do nguyên đơn xuất trình thì khoản vay 03 tỷ đồng được chuyển khoản về chính tài khoản của bên bán/ người bảo lãnh nên không thể có việc ban lãnh đạo/ Hội đồng thành viên không biết việc này.

Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ các Điều 93; 318; 319; 361; 362; 363- Bộ luật dân sự 2005, chấp nhận yêu cầu của VPB về việc yêu cầu cty VT phải có trách nhiệm thanh toán khoản nợ của cty V theo giấy Bảo lãnh số 04/BL-VTS ngày 04/01/2013 là có căn cứ.

Từ những phân tích, đánh giá trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kết luận của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tại phiên toà hôm nay phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ nên được chấp nhận.

[3]. Về án phí phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận nên người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Bởi các lẽ trên,

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 và điểm a khoản 5 Điều 314 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 điều 30, khoản 1 điều 35, điểm b khoản 1 điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 59 và Điều 60 Luật Các tổ chức tín dụng;
- Điều 122; 142; các Điều 342; 343; 348; 355; 471; 474; 476 Bộ luật Dân sự 2005;
- Điều 93; 318; 319; 361; 362; 363 Bộ luật dân sự 2015;
- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án;

Giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 13/2019/KDTM-ST ngày 17/9/2019 của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V đối với Công ty CP dịch vụ kết nối số V .

Buộc Công ty CP dịch vụ kết nối số V phải trả nợ cho Ngân hàng V theo Hợp đồng tín dụng số LD1302900413 ngày 04/2/2013 và Khế ước nhận nợ số 01 ngày 04/2/2013, cụ thể như sau:

- Nợ gốc là 1.546.489.352 đồng;
- Nợ lãi trong hạn là 40.911.298 đồng;
- Nợ lãi quá hạn (tính đến ngày 17/9/2019) là 1.122.931.719 đồng;
- Tổng cộng là 2.710.332.369 đồng.

Kể từ ngày kế tiếp sau ngày xét xử sơ thẩm bên phải thi hành án phải tiếp tục chịu lãi suất đối với khoản nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi trả xong nợ gốc.

2. Trường hợp Công ty V không thanh toán hoặc thanh toán không đủ thì Ngân hàng V có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là Hệ thống IPTV theo hợp đồng nhượng bán tài sản hệ thống truyền hình IPTV số 01/HĐ/DIGICOM-DIGILINK/2012 ngày 20/9/2012 ký giữa Công ty TNHH MTV Viễn thông số VT và Công ty CP dịch vụ kết nối số V theo hợp đồng thế chấp số 1302900413/TC ngày 04/02/2013 để thu hồi nợ.

Trường hợp tài sản thế chấp hoặc các tài sản khác của Công ty CP dịch vụ kết nối số V không còn hoặc không đủ trả nợ, thì Ngân hàng V có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền buộc Công ty TNHH MTV Viễn thông số VT thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty CP dịch vụ kết nối số V (theo giấy bảo lãnh số 04/BL-VTS ngày 04/01/2013) cho đến khi thanh toán xong khoản nợ xác định tại mục 1 Quyết định này.

3. Ghi nhận sự tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đình chỉ yêu cầu của Ngân hàng V đối với khoản tiền phạt chậm trả.

4. Về án phí kinh doanh thương mại:

Bị đơn Công ty CP dịch vụ kết nối số V phải nộp 86.000.000 đồng án phí sơ thẩm.

Hoàn trả Ngân hàng V số tiền tạm ứng án phí đã nộp 39.730.000đồng theo Biên lai số 02831 ngày 04/7/2017 tại Chi cục Thi hành án Dân sự quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Công ty TNHH MTV Viễn thông số VT phải chịu 2.000.000 đồng án phí phúc thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0002867 ngày 02/10/2019 tại Chi cục Thi hành án Dân sự quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 18/3/2020.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hà Nội;
- TAND quận Hai Bà Trưng;
- Chi cục THADS quận Hai Bà Trưng;
- Đường sự;
- Lưu: VP,HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Hoàng Minh Thành